

**TÒA ÁN NHA DÀ
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:106/2018/HNGĐ-ST
Ngày:30-8-2018
V/v “Ly hôn”

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHA DÀ HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa;

Các Hội thẩm nhA dà:

1. Bà Lê Thị VA;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiêu Thơ – Thư ký Tòa án nhA dà huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dà huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhA dà huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 306/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TA Thái, xã TA Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Hoàng A, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TA Thiện, xã TA Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Chỗ ở hiện tại: ấp TA Thái, xã TA Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày: Chị và anh A cưới nhau vào năm 2011 do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhA dà xã TA Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 26 tháng 5 năm 2011. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhA là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng anh đã ly thA hơn một năm nay, chị T xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Đắc Q, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2012. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Hồ Hoàng A trình bày: Thống nhất như lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Tuy nhiên về thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày anh không đồng ý. Anh A cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, hiện tại anh còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Đắc Q, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2012. Nếu Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim T.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T có đơn khởi kiện đối với anh A. Anh A có địa chỉ tại xã TA Phong, huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T xin ly hôn với anh A, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh A cưới nhau vào năm 2011 trên cơ sở do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã TA Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân là hợp pháp. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly hôn hơn một năm nay. Anh A không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con và vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương để xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh A. Theo biên bản xác minh ngày 8 tháng 8 năm 2018 ông Nguyễn Văn Tăng là Trưởng ấp TA Thái, xã TA Phong cung cấp thông tin mâu thuẫn giữa chị T và anh A địa phương không được rõ. Trong đơn cứu xét ngày 15 tháng 7 năm 2018 anh A cung cấp cho Tòa án, những người hàng xóm xung quanh vợ chồng anh A, chị T

xác nhận vợ chồng anh, chị có cuộc sống hạnh phúc, không bạo lực gia đình. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị T cũng xác định vợ chồng chị không có mâu thuẫn nhưng anh A có mâu thuẫn với cha mẹ chị nên vì áp lực gia đình mới yêu cầu ly hôn với anh A, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T và anh A là những mâu thuẫn nhỏ thường xuyên xảy ra trong cuộc sống vợ chồng, nên tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh A chưa đến mức trầm trọng. Lẽ ra đối với bản thân chị T nếu có mâu thuẫn trong gia đình xảy ra chị phải cùng với anh A tìm hiểu rõ nguyên nhân để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị không làm được điều đó mà lại xin ly hôn với anh A, mặc dù tình cảm của anh A đối với chị vẫn còn, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị có nhiều khả năng để hàn gắn. Anh A thiết tha yêu cầu đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con chung. Đây chính là nguyện vọng chính đáng của anh A phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Hơn nữa việc ly hôn giữa chị T và anh A chưa được gia đình hai bên và chính quyền cơ sở hòa giải, vợ chồng không có ly hôn với nhau.

Từ những phân tích trên cho thấy lý do yêu cầu ly hôn của chị T là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh A.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Kim T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa là có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T về việc xin ly hôn với anh Hồ Hoàng A.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Kim T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 15724 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị T đã thực hiện xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dA sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dA sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TA Phong, huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thừa

Cai Lậy, ngày 30 tháng 8 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 15 giờ ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Tại phòng nghị án Tòa án nhA dA huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa.

Các Hội thẩm nhA dA:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

2. Ông Nguyễn Văn Hiền.

Tiến hành nghị án vụ án dA sự thụ lý số 306/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TA Thái, xã TA Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Hoàng A, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TA Thái, xã TA Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp “Ly hôn”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dA sự;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhA gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3. Quyết định xử:

- Về quan hệ hôn nhA: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T về việc ly hôn với anh Hồ Hoàng A.

- Về án phí: Chị Nguyễn Kim T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhA sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 15724 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dA sự huyện Cai Lậy, nên chị T đã thực hiện xong án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhA dA tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dA sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dA sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 15 giờ 30 phút ngày 30 tháng 8 năm 2018, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa